BẢN TIN PHÁP LÝ
SỐ 07 NĂM 2026



Quảng Ngãi, tháng 10 năm 2026



Mục lục	Trang
I. Văn bản mới ban hành/có hiệu lực	3
II. Điểm tin một số văn bản có tác động đến BSR	6
Nghị định 308/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp	6
Nghị định 368/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng	8
Nghị định 349/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	12
Thông tư 154/2026/TT-BCA quy định về quản lý, định danh và truy xuất nguồn gốc đối với hoá chất cần kiểm soát đặc biệt trên Nền tảng định danh và xác thực điện tử	18
Thông tư 27/2026/TT-BNV về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	21
III. Đánh giá tác động của các văn bản được điểm tin tại Mục II	23



VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH/CÓ HIỆU LỰC

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
I	**Nghị định**		
1	Nghị định 349/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	09/09/2026	09/09/2026
2	Văn bản hợp nhất 84/2026/VBHN-NĐ-BNNMT hợp nhất Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản	16/09/2026	16/09/2026
3	Nghị định 308/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp	05/8/2026	05/8/2026
4	Nghị định 363/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực dữ liệu	19/09/2026	11/11/2026
5	Nghị định 368/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng	25/09/2026	01/10/2026
6	Nghị định 372/2026/NĐ-CP quy định về hoạt động định danh, xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa	29/09/2026	01/01/2027
7	Nghị định 384/2026/NĐ-CP quy định xác định xuất xứ Việt Nam đối với hàng hóa sản xuất và lưu thông trong nước	09/10/2026	01/01/2027
8	Nghị định 393/2026/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	20/10/2026	05/12/2026
9	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 119/2025/NĐ-CP, Nghị định số 83/2026/NĐ-CP và Nghị định số 112/2026/NĐ-CP	26/10/2026	12/12/2026
II	**Thông tư**		



1	Thông tư 154/2026/TT-BCA quy định về quản lý, định danh và truy xuất nguồn gốc đối với hoá chất cần kiểm soát đặc biệt trên Nền tảng định danh và xác thực điện tử	04/09/2026	04/09/2026
2	Thông tư 48/2026/TT-BCT hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương và Nghị định 292/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương	05/09/2026	05/09/2026
3	Thông tư 49/2026/TT-BCT sửa đổi các Thông tư trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường ngành Công Thương.	12/9/2026	02/11/2026
4	Thông tư 136/2026/TT-BTC sửa đổi Khoản 2 Điều 3 Thông tư 158/2025/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 360/2025/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt	14/09/2026	15/09/2026
5	Thông tư 138/2026/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 200/2026/NĐ-CP quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế	25/09/2026	01/10/2026
6	Thông tư 142/2026/TT-BTC sửa đổi các Thông tư quy định thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh gửi qua dịch vụ bưu chính của doanh nghiệp được chỉ định, dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế	29/9/2026	16/11/2026
7	Thông tư 25/2026/TT-BNV hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định 368/2026/NĐ-CP	01/10/2026	01/10/2026
8	Thông tư 38/2026/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 80 yếu tố hóa học tại nơi làm việc	09/10/2026	09/04/2027
9	Thông tư 44/2026/TT-BNNMT sửa đổi Thông tư 27/2026/TT-BNNMT về Danh mục sản phẩm, hàng hóa có mức độ rủi ro trung bình, mức độ rủi ro cao thuộc trách nhiệm quản lý	09/10/2026	09/10/2026
10	Thông tư 27/2026/TT-BNV về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	10/10/2026	01/01/2027

11	Sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 19/2026/TT-BCT ngày 03 tháng 4 năm 2026 của bộ trưởng bộ công thương quy định về tạm ứng cho quỹ bình ổn giá xăng dầu từ nguồn ngân sách nhà nước, trích lập quỹ bình ổn giá xăng dầu và hoàn trả tạm ứng ngân sách nhà nước.	20/10/2026	20/10/2026
III	**Các văn bản khác**		
1	Nghị quyết 43/2026/NQ-CP kéo dài thời hạn áp dụng thuế nhập khẩu ưu đãi, thuế bảo vệ môi trường, thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng xăng, dầu, nguyên liệu sản xuất xăng, dầu và nhiên liệu bay	30/9/2026	01/10/2026
2	Quyết định 3914/QĐ-BNNMT năm 2026 bãi bỏ một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong lĩnh vực Địa chất và khoáng sản	16/10/2026	16/10/2026



ĐIỂM TIN MỘT SỐ VĂN BẢN CÓ TÁC ĐỘNG ĐẾN BSR

NGHỊ ĐỊNH 308/2026/NĐ-CP HƯỚNG DẪN LUẬT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP VÀ QUỸ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP

- **Ngày ban hành:** 05/08/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 05/08/2026

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Nghị định này quy định chi tiết về chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp; đối tượng, nguồn trích lập, mức trích lập, nhiệm vụ chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

1. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố;

b) Doanh nghiệp được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam;

c) Các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ của Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp cho doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp, cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh được áp dụng quy định tại Nghị định này. Trường hợp có quy định riêng trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh thì tổ chức thực hiện theo quy định riêng bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.

3. Tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu (Điều 5)

1. Doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề được xét tôn vinh, khen thưởng. Doanh nghiệp hằng năm có trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và sử dụng tối thiểu hết 70% quỹ hàng năm cho hoạt động giáo dục, đào tạo là một trong những tiêu chí được Nhà nước xem xét tôn vinh, khen thưởng.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ hướng dẫn tiêu chí, tiêu chuẩn doanh nghiệp được tôn vinh, khen thưởng theo thẩm quyền.

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan, tổ chức trung ương, địa phương quyết định việc tổ chức xét tôn vinh và trao tặng danh hiệu, giải thưởng.

3. Hình thức, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét tôn vinh, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Việc thành lập, đối tượng, nguồn trích lập và mức trích lập đối với Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (Điều 7)

1. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp do doanh nghiệp lựa chọn, quyết định thành lập theo nhu cầu của doanh nghiệp nhằm bảo đảm các hoạt động giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp được thường xuyên, liên tục, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Đối tượng trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp: doanh nghiệp thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Nguồn và mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Nguồn trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Mức trích lập hàng năm do doanh nghiệp tự quyết định, phù hợp với nhu cầu, kế hoạch đào tạo nhân lực hàng năm của doanh nghiệp được phê duyệt;

Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước, mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp hàng năm bảo đảm tổng giá trị của phần Quỹ có nguồn từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tối đa không quá 01% lợi nhuận sau thuế, trong đó bao gồm cả phần Quỹ có nguồn từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp còn lại của năm trước do không sử dụng hết (nếu có).

Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập quỹ hàng năm theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ, việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập quỹ hàng năm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp là tổ chức tín dụng, việc phân phối lợi nhuận sau thuế, trích lập quỹ hàng năm được thực hiện theo pháp luật về các tổ chức tín dụng.

b) Nguồn tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

5. Nhiệm vụ chi, việc quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán đối với Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (Điều 8)

1. Nhiệm vụ chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học; chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp; chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp; chi phí cho hoạt động đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá năng lực theo chuẩn doanh nghiệp hoặc theo tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp quốc gia;

Các hoạt động giáo dục, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động quy định tại điểm này phải được quy định chi tiết tại một trong các hồ sơ sau: hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế tài chính của doanh nghiệp;

b) Tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: tài trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở này; tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo; tài trợ xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp.

2. Việc quản lý, sử dụng Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (nếu có) phải được quy định tại điều lệ hoặc quy chế của doanh nghiệp.

3. Việc hạch toán kế toán của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật kế toán.

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Giao duc nghe nghiep\Nghi dinh.*

NGHỊ ĐỊNH 368/2026/NĐ-CP HƯỚNG DẪN LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

- **Ngày ban hành:** 25/09/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 01/10/2026

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

1. Nghị định này quy định chi tiết các nội dung được giao tại khoản 5 Điều 11; khoản 2 Điều 14; khoản 2 Điều 23; khoản 4 Điều 25; khoản 7 Điều 34; khoản 6 Điều 35; khoản 5 Điều 36; khoản 5 Điều 37; khoản 5 Điều 38; khoản 4 Điều 39; khoản 4 Điều 40; khoản 4 Điều 41; khoản 7 Điều 42; khoản 7 Điều 43; khoản 7 Điều 44; khoản 3 Điều 45; khoản 3 Điều 46; khoản 3 Điều 47; khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 53; khoản 6 Điều 80; khoản 3 Điều 82; khoản 7 Điều 84; khoản 2 Điều 85; điểm b, c và d khoản 2 Điều 89; khoản 5 Điều 90; khoản 9 Điều 93 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng về: Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; việc ủy quyền quyết định tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng"; quy định chuyển tiếp.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Nghị định này áp dụng đối với cá nhân người Việt Nam; cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các hội quần chúng được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và các hội khác, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, hộ gia đình; doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động tại Việt Nam.

3. Nguyên tắc xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (Điều 4)



4. Quy định chung về khen thưởng quá trình cống hiến (Điều 7)

1. Thời gian tham gia công tác để xét khen thưởng quá trình cống hiến quy định như sau:

a) Cán bộ tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 là những người tham gia cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945, người được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương hoặc được kết nạp lại trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

b) Cán bộ tiền khởi nghĩa là người tham gia cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

c) Cán bộ hoạt động liên tục trong 02 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ là người có thời gian tham gia công tác liên tục từ sau ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

d) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp là người có thời gian tham gia công tác liên tục trong thời gian từ sau ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954;

đ) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ là người tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

e) Người hoạt động liên tục ở chiến trường miền Nam là người hoạt động liên tục ít nhất 10 năm ở chiến trường miền Nam, Lào, Campuchia. Trường hợp hoạt động liên tục ở chiến trường từ trước năm 1960 thì thời gian hoạt động liên tục tính đến tháng 01 năm 1973. Trường hợp vào chiến trường từ năm 1964 thì thời gian hoạt động liên tục tính đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

g) Cán bộ công tác trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là người tham gia công tác từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975.

2. Thời gian, chức vụ xét khen thưởng:

a) Bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét, trình Chủ tịch nước khen thưởng quá trình cống hiến cho cá nhân có đủ điều kiện, tiêu chuẩn khi có thông báo nghỉ chế độ hưu trí hoặc có quyết định nghỉ hưu mà chưa được khen thưởng quá trình cống hiến (kể cả các trường hợp đã hy sinh, từ trần). Đối với cá nhân khi hết tuổi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được kéo dài thời gian công tác để làm chuyên môn thì được xét khen thưởng quá trình cống hiến khi hết tuổi giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý.

Trường hợp cá nhân đã được khen thưởng quá trình cống hiến hoặc trước khi nghỉ hưu không thuộc đối tượng khen thưởng quá trình cống hiến, sau khi nghỉ hưu tiếp tục công tác và có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được khen thưởng quá trình cống hiến thì được xét khen thưởng quá trình cống hiến đối với thời gian công tác, giữ chức vụ của giai đoạn công tác sau này và được đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác theo quy định nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

Trường hợp cá nhân thuộc đối tượng khen thưởng quá trình cống hiến nhưng chưa đủ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến, sau khi nghỉ hưu tiếp tục công tác và có thời gian giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc đối tượng được xét khen thưởng quá trình cống hiến thì được cộng dồn thời gian giữ chức vụ trước và sau khi nghỉ hưu để xét khen thưởng quá trình cống hiến và được đề nghị tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác theo quy định nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn.

b) Cá nhân có thời gian giữ chức vụ nhưng không đủ thời gian để được khen thưởng theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để tính tiêu chuẩn khen thưởng theo chức vụ thấp hơn liền kề (nếu chức vụ thấp hơn liền kề thuộc tiêu chuẩn khen thưởng quá trình cống hiến);

c) Cá nhân trong cùng một thời gian đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thì lấy chức

vụ cao nhất để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn khen thưởng;

d) Cá nhân thực hiện yêu cầu luân chuyển, điều động hoặc do sắp xếp tổ chức được cấp có thẩm quyền quyết định giữ chức vụ thấp hơn trước khi luân chuyển, điều động, sắp xếp tổ chức, khi xem xét khen thưởng được tính đến thời điểm hết nhiệm kỳ bầu cử hoặc hết thời gian bổ nhiệm của chức vụ trước khi luân chuyển, điều động, sắp xếp tổ chức và được tính thời gian liên tục theo chức vụ đó để làm căn cứ xét khen thưởng.

đ) Cá nhân có thời gian công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân sau đó chuyển ngành, công tác tại bộ, ban, ngành, địa phương được thực hiện như sau:

Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân đủ tiêu chuẩn khen thưởng quá trình cống hiến thì đề nghị hình thức, mức hạng khen thưởng quá trình cống hiến theo thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân.

Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ tại bộ, ban, ngành, địa phương đủ tiêu chuẩn khen thưởng quá trình cống hiến thì đề nghị hình thức, mức hạng khen thưởng quá trình cống hiến theo thời gian giữ chức vụ tại bộ, ban, ngành, địa phương.

Trường hợp cá nhân có thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân và thời gian giữ chức vụ tại bộ, ban, ngành, địa phương đều đủ tiêu chuẩn để khen thưởng quá trình cống hiến thì chỉ được lựa chọn một hình thức, mức hạng khen thưởng tương ứng với thời gian giữ chức vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân hoặc tại bộ, ban, ngành, địa phương để đề nghị khen thưởng

5. Quy định thời gian nhận hồ sơ, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng (Điều 32)

1. Thời gian Bộ Nội vụ nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng như sau:

a) Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất

quá trình cống hiến. Chức vụ ghi trong quyết định khen thưởng được xác định theo hình thức khen thưởng lựa chọn.

Cấp quản lý tổ chức, cán bộ, quỹ lương có trách nhiệm đề nghị khen thưởng theo quy định.

e) Những trường hợp đã được khen thưởng quá trình cống hiến, không thực hiện điều chỉnh khen thưởng theo quy định mới về chức danh tương đương. Những trường hợp chưa được khen thưởng quá trình cống hiến, đối chiếu với quy định nếu đúng đối tượng, đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì đề nghị xét khen thưởng quá trình cống hiến.

3. Điều kiện áp dụng khen thưởng:

a) Không khen thưởng đối với các trường hợp: Bị khai trừ ra khỏi Đảng; bị buộc thôi việc; bị tước danh hiệu quân nhân, công an nhân dân, quân hàm sĩ quan hoặc quân hàm chuyên nghiệp; bị kỷ luật được cấp có thẩm quyền cho nghỉ hưu, nghỉ công tác hoặc có vi phạm, khuyết điểm nghiêm trọng được cấp có thẩm quyền cho nghỉ hưu, nghỉ công tác. Đối với cá nhân đã bị kỷ luật khai trừ Đảng, sau đó đã sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu và được kết nạp lại vào Đảng, nếu đạt tiêu chuẩn theo quy định thì được xét khen thưởng.

b) Hạ một mức khen đối với các trường hợp: Bị kỷ luật lưu Đảng; bị khai trừ ra khỏi Đảng sau đó được kết nạp lại; bị cách chức, giáng chức, giáng cấp bậc quân hàm, hạ bậc lương, cảnh cáo. Hình thức kỷ luật chỉ xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng quá trình cống hiến (lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét khen thưởng lần trước).

vào ngày 31 tháng 12 của năm liền kề với năm có quyết định tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh;

b) Hồ sơ bộ, ban, ngành, tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" gửi đến Bộ Nội vụ chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 hằng năm. Đối với hệ thống giáo dục quốc dân có thời điểm đánh giá, xếp loại tập thể, cá nhân theo năm

học, hồ sơ trình chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Thời gian trình hồ sơ tặng "Cờ thi đua của Chính phủ", Huân chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" cho tập thể có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

2. Thời gian Bộ Nội vụ thẩm định hồ sơ khen thưởng và trình Thủ tướng Chính phủ trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định. Việc xem xét hồ sơ đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu "Tỉnh Anh hùng", "Thành phố Anh hùng", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động", tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 44 Nghị định này và Quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

3. Thời gian thẩm định đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng cấp Nhà nước tại bộ, ban, ngành, tỉnh:

Việc đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo công trạng cấp Nhà nước, trong thời hạn 30 ngày làm việc (40 ngày làm việc đối với các hình thức khen thưởng: "Huân chương Độc lập", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Sao vàng"; danh hiệu Anh hùng, danh hiệu "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, bộ, ban, ngành, tỉnh xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ.

4. Thời gian thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng:

a) Trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục, hồ sơ khen thưởng theo quy định, Bộ Nội vụ thực hiện trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục khen thưởng, trong thời gian 10 ngày làm việc, Bộ Nội vụ thông báo bằng văn bản trả lại hồ sơ cho bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng; văn bản thông báo phải nêu rõ căn cứ pháp lý trả lại hồ sơ khen thưởng.

Trường hợp kết quả thẩm định của Bộ Nội vụ khác với đề nghị của bộ, ban, ngành, tỉnh về hình thức khen thưởng, mức hạng khen thưởng, loại hình khen thưởng thì Bộ Nội vụ phải thống nhất bằng văn bản với bộ, ban, ngành, tỉnh trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

b) Trường hợp Bộ Nội vụ đã trình Thủ tướng Chính phủ quyết định khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng nhưng Thủ tướng Chính phủ không quyết định khen thưởng hoặc không đề nghị Chủ tịch nước quyết định khen thưởng hoặc Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng nhưng Chủ tịch nước không khen thưởng thì sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Văn phòng Chính phủ hoặc Văn phòng Chủ tịch nước về việc không khen thưởng, Bộ Nội vụ thông báo kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị khen thưởng đến bộ, ban, ngành, tỉnh;

c) Sau khi nhận được quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, trong thời hạn 10 ngày làm việc đối với các Quyết định khen thưởng có dưới 100 trường hợp và trong thời hạn 20 ngày làm việc đối với các Quyết định khen thưởng có từ 100 trường hợp trở lên (không bao gồm thời gian đóng dấu bằng), Bộ Nội vụ cấp phát hiện vật khen thưởng, bộ, ban, ngành, tỉnh trình khen thưởng có trách nhiệm đến nhận đồng bộ hiện vật khen thưởng và cấp phát cho các tập thể, cá nhân được khen thưởng.

6. Trao tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (Điều 45)

1. Các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng, được công bố, trao tặng và đón nhận theo quy định tại Nghị định này gồm:

a) Huân chương: "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập", "Huân chương Quân

công", "Huân chương Lao động", "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc", "Huân chương Chiến công", "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc", "Huân chương Dũng cảm", "Huân chương Hữu nghị";

b) Danh hiệu vinh dự nhà nước: "Tỉnh Anh hùng", "Thành phố Anh hùng"; "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân"; "Anh hùng Lao động"; "Nhà giáo nhân dân", "Nhà giáo ưu tú"; "Thầy thuốc nhân dân", "Thầy thuốc ưu tú"; "Nghệ sĩ nhân dân", "Nghệ sĩ ưu tú"; "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

c) "Giải thưởng Hồ Chí Minh", "Giải thưởng Nhà nước";

d) Huy chương: "Huy chương Quân kỳ quyết thắng", "Huy chương Vì an ninh Tổ quốc", "Huy chương Chiến sĩ vẻ vang", "Huy chương Hữu nghị"; "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang";

đ) "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ";

e) "Cờ thi đua của Chính phủ";

g) "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

2. Việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bộ, ban, ngành, tỉnh; danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bộ, ban, ngành, tỉnh thực hiện theo quy định tại Nghị định này.Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat thi đua khen thưởng\ Nghị định*.

NGHỊ ĐỊNH 349/2026/NĐ-CP SỬA ĐỔI CÁC NGHỊ ĐỊNH HƯỚNG DẪN LUẬT ĐẤU THẦU VỀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

- **Ngày ban hành:** 09/09/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 09/09/2026

Chương I
Sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (được sửa đổi, bổ sung bởi nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính Phủ và nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 Của Chính Phủ)
1. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 18 (Điều 1)

"d) Tối thiểu 01 báo giá của hàng hóa, dịch vụ; khuyến khích thu thập nhiều hơn 01 báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đơn vị quan tâm phải gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá. Trường hợp có nhiều hơn 01 báo giá thì được lấy giá trung bình của các báo giá; khi xác định giá trung bình, trường hợp có báo giá hoặc hạng mục trong báo giá có giá cao hoặc thấp hơn 30% giá trung bình, chủ đầu tư có quyền loại trừ các báo giá này để xác định giá trung bình.

Đối với gói thầu mua thuốc; hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế; linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho thiết bị y tế: trên cơ sở yêu cầu chuyên môn, chủ đầu tư quyết định các tiêu chí kỹ thuật và tổ chức lấy báo giá. Chủ đầu tư phải đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; khuyến khích đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư hoặc Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế hoặc Cổng dịch vụ công trực tuyến về

quản lý thiết bị y tế; đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời hạn tối thiểu 10 ngày kể từ ngày đăng tải yêu cầu báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp có từ 02 báo giá trở lên, chủ đầu tư được lựa chọn báo giá cao nhất phù hợp với khả năng tài chính và yêu cầu chuyên môn.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thu thập báo giá bảo đảm công khai, minh bạch. Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

Trường hợp chủ đầu tư đã tuân thủ đầy đủ quy định về tổ chức thu thập báo giá, bảo đảm công khai, minh bạch thì chủ đầu tư không phải chịu trách nhiệm đối với việc đơn vị cung cấp vi phạm quy định về cung cấp báo giá tại điểm này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35 (Điều 3)

"2. Chủ đầu tư phải cập nhật tiến độ thực tế thực hiện hợp đồng khi thực hiện xong các mốc hoàn thành quy định trong hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, chủ đầu tư có trách nhiệm cập nhật thông tin thay đổi, phát sinh về danh sách, phạm vi công việc và tỷ lệ sử dụng nhà thầu phụ, nhà thầu phụ đặc biệt (nếu có).".

3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 78 (Điều 4)

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 2 như sau:

"a) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm có yêu cầu cấp bách phải thực hiện ngay để bảo đảm hoàn thành tiến độ theo chỉ đạo tại: Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ; Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

b) Gói thầu thuộc dự án có yêu cầu thực hiện ngay nhằm bảo đảm kết nối, đồng bộ giữa các công trình thuộc dự án theo chỉ đạo tại: Nghị quyết, Kết luận, văn bản chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; Nghị quyết của Quốc hội; Nghị quyết của Chính phủ; Quyết định, Chỉ thị, văn bản thông báo ý kiến của lãnh đạo Chính phủ; Nghị quyết của Quân ủy Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Thường vụ Đảng ủy bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan khác ở trung ương, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh để đáp ứng yêu cầu về hiệu quả quản lý, khai thác, vận hành công trình đồng bộ, liên tục;".

2. Bổ sung điểm e1 vào sau điểm e khoản 2 như sau:

"e1) Gói thầu đã đăng tải thông báo mời thầu, thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển nhưng xảy ra một trong các trường hợp sau đây: không có nhà thầu nộp hồ sơ dự thầu, hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển; tất cả hồ sơ dự thầu không đáp ứng hồ sơ mời thầu; tất cả nhà thầu không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm g khoản 2 như sau:

"g) Các gói thầu khác thuộc dự toán mua sắm, dự án đầu tư công và dự án khác cần áp dụng hình thức chỉ định thầu để lựa chọn được nhà thầu thực hiện gói thầu đáp ứng tiến độ, chất lượng và hiệu quả của gói thầu, dự án, dự toán mua sắm.".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau:

"d) Gói thầu thuộc các dự án, nhiệm vụ mua sắm, thuê dịch vụ cho chuyển đổi số để triển khai, xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng: cơ sở dữ liệu quốc gia; các nền tảng số dùng chung quốc gia; các nền tảng phục vụ quản trị, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; nền tảng tích hợp

chia sẻ dữ liệu của bộ, cơ quan, địa phương; cơ sở dữ liệu chuyên ngành của các bộ, cơ quan, địa phương; trung tâm giám sát, điều hành thông minh.".

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án có giá gói thầu không quá 01 tỷ đồng; gói thầu dịch vụ tư vấn thuộc dự án có giá gói thầu không quá 03 tỷ đồng, gói thầu dịch vụ phi tư vấn, hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp thuộc dự án có giá gói thầu không quá 05 tỷ đồng.".

6. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 5 như sau:

"c) Gói thầu tư vấn, thi công di dời các công trình thuộc hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và hệ thống công trình hạ tầng xã hội theo quy định của pháp luật về xây dựng để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư; gói thầu tư vấn, rà phá bom, mìn, vật nổ để chuẩn bị mặt bằng thi công;".

7. Sửa đổi, bổ sung điểm e khoản 5 như sau:

"e) Các gói thầu về quy hoạch, phục vụ hoạt động quy hoạch theo quy định của pháp luật;".

8. Bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 5 như sau:

"i) Gói thầu mua sắm từ các hoạt động thanh lý, giải thể, phá sản;

k) Hàng hóa được mua thông qua giao dịch trên sàn giao dịch hàng hóa.".

4.Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 80 (Điều 6)

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

"1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 78 của Nghị định này, căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu và thông tin sơ bộ về nhà thầu, chủ đầu tư hoặc cơ quan trực tiếp quản lý gói thầu xác định và giao cho nhà thầu có khả năng thực hiện ngay gói thầu. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bắt đầu thực hiện gói thầu, các bên phải hoàn thiện thủ tục chỉ định thầu quy định tại khoản 3 Điều này. Việc gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu không phải thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và việc thực hiện chỉ định thầu không phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này.".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2, khoản 3, khoản 4 và các điểm a, b, c, i, k khoản 5 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư áp dụng quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này. Việc thực hiện chỉ định thầu phải đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, trừ gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt quy định tại điểm c khoản 2 Điều 78 của Nghị định này.".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm b khoản 3 như sau:

"a) Chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu:

Chủ đầu tư căn cứ vào mục tiêu, phạm vi công việc để chuẩn bị và gửi dự thảo hợp đồng cho nhà thầu được chủ đầu tư dự kiến có khả năng thực hiện gói thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Đối với gói thầu quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia cho nhà thầu đã trúng thầu thông qua đấu thầu rộng rãi hoặc đấu thầu hạn chế và đã ký hợp đồng thực hiện gói thầu trước đó. Đối với gói thầu có yêu cầu về bảo vệ bí mật nhà nước theo quy định tại khoản 6 Điều 78 của Nghị định này và gói thầu áp dụng chỉ định thầu quốc tế, chủ đầu tư gửi dự thảo hợp đồng trực tiếp đến nhà thầu. Nội dung dự thảo hợp đồng bao gồm các yêu cầu về phạm vi, nội dung công việc cần thực hiện, thời gian thực hiện, chất lượng công việc cần đạt được, giá trị tương ứng và các nội dung cần thiết khác.

Nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu khi có tư cách hợp lệ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và i khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu; đối với nhà thầu là hộ kinh doanh khi có tư cách hợp lệ quy định tại các điểm d, e khoản 1 và các điểm a, b khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Đối với gói thầu mua sắm

hàng hóa, nhà thầu là cá nhân, nhóm cá nhân chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình được đề nghị chỉ định thầu khi đáp ứng tư cách hợp lệ quy định tại khoản 3 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định nhà thầu tham dự thầu, thực hiện hợp đồng phải độc lập với các tổ chức, cá nhân khác thì phải tuân thủ quy định đó.

b) Hoàn thiện hợp đồng, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu:

Trên cơ sở dự thảo hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu tiến hành hoàn thiện hợp đồng làm cơ sở phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng. Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm giá đề nghị trúng thầu tiết kiệm, hiệu quả kinh tế; đối với gói thầu xây lắp thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 78 của Nghị định này, chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo về giá, bảo đảm tiết kiệm tối thiểu 5% giá gói thầu.

Trường hợp gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc gói thầu hỗn hợp EP, PC, EPC không có đủ dữ liệu để tham chiếu giá theo quy định tại các điểm a, c, đ, e và g khoản 2 Điều 18 của Nghị định này hoặc khi thấy cần thiết, chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu thuyết minh cơ cấu giá của hàng hóa để làm cơ sở thương thảo về giá trúng thầu.

Việc công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 33 của Nghị định này.".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

"4. Đối với gói thầu hoặc nội dung mua sắm có giá không quá 100 triệu đồng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình, không phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 79 của Nghị định này, không phải thực hiện quy trình quy định tại khoản 3 Điều này nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật hoặc được thực hiện theo quy trình chỉ định thầu rút gọn quy định tại khoản 3 Điều này.".

5. Bổ sung khoản 6 vào sau khoản 5 như sau:

"6. Đối với gói thầu thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình thông thường đồng thời thuộc trường hợp chỉ định thầu theo quy trình rút gọn thì chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng quy trình quy định tại khoản 3 Điều 79 của Nghị định này hoặc khoản 3 Điều này.".

5. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 4 Điều 84 (Điều 7)

1. Bãi bỏ điểm b.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c như sau:

"c) Lựa chọn luật sư, tổ chức hành nghề luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, các biện pháp khác ảnh hưởng đến lợi ích thương mại của Việt Nam tại nước ngoài, cơ quan tài phán, cơ quan giải quyết tranh chấp trong nước, nước ngoài hoặc quốc tế;".

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

"d) Gói thầu mua vé máy bay cho đoàn đi công tác trong nước và quốc tế; mua vé máy bay cho đoàn khách quốc tế vào Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế do phía Việt Nam đài thọ;".

4. Sửa đổi, bổ sung điểm n như sau:

"n) Gói thầu cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường hoặc mua lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào để thực hiện việc cung cấp suất ăn, bữa ăn học đường cho học sinh bán trú, nội trú tại cơ sở giáo dục công lập; gói thầu cung cấp suất ăn cho vận động viên, huấn luyện viên tại các cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao hoặc suất ăn phục vụ các đại hội thể thao trong nước, quốc tế, tổ chức tại Việt Nam; mua lương thực, thực phẩm, nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào để thực hiện việc cung cấp suất ăn cho vận động viên, huấn luyện viên tại các cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao hoặc cho người cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy, người bị tạm giam, tạm giữ tại các cơ sở giam giữ, phạm nhân tại các cơ sở giam giữ

phạm nhân, trại viên tại các cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh tại các trường giáo dưỡng hoặc cho các đối tượng bảo trợ xã hội được chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội hoặc cho người có công được nuôi dưỡng, điều dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công.

Gói thầu mua nguyên vật liệu đầu vào để tổ chức sản xuất, gia công bảo đảm chế độ mặc và tư trang cho phạm nhân tại cơ sở giam giữ phạm nhân, trại viên tại cơ sở giáo dục bắt buộc, học sinh tại trường giáo dưỡng;".

5. Bổ sung các điểm t1, t2, t3, t4 vào sau điểm t và sửa đổi, bổ sung điểm u như sau:

"t1) Gói thầu cung cấp dịch vụ bưu chính để tống đạt giấy tờ của nước ngoài theo pháp luật tương trợ tư pháp về dân sự;

t2) Gói thầu cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ theo cơ chế Phiếu hỗ trợ (Voucher) hoặc công cụ hỗ trợ tương tự thuộc chương trình, đề án, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

t3) Gói thầu cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho người dân;

t4) Tuyển dụng, giới thiệu và quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam; cung cấp dịch vụ về nhà, đất đối ngoại theo hình thức hỗ tương và hình thức giao sử dụng nhà, đất không phải trả tiền; tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế; thuê dịch vụ phục vụ hoạt động đối ngoại và các nhiệm vụ có yêu cầu đặc biệt về an ninh, đối ngoại;

u) Gói thầu thuộc dự án, dự toán mua sắm khác có một hoặc một số điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu, điều kiện ký kết và thực hiện hợp đồng không thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t, t1, t2, t3 và t4 khoản này.".

6. Bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 85 (Điều 7)

1. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 1 như sau:

"1. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và các điểm i, k, l, m, n, o, p, q, r, s, t3, t4 và u khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, chủ đầu tư thực hiện như sau:".

2. Bãi bỏ khoản 3.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều 84 của Nghị định này:

a) Đối với đoàn đi công tác quốc tế, việc mua vé máy bay chuyến bay quốc tế cho đoàn khách quốc tế vào Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế do phía Việt Nam đài thọ, căn cứ kế hoạch công tác và hành trình bay được duyệt, cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay lấy tối thiểu 02 báo giá của 02 đại lý bán vé máy bay khác nhau (hoặc báo giá của 01 đại lý bán vé máy bay của ít nhất 02 hãng hàng không khác nhau, trong đó có hãng hàng không quốc gia Việt Nam) với cùng hành trình bay để xem xét, so sánh và lựa chọn đơn vị cung cấp vé máy bay trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu: đường bay trực tiếp, phù hợp với lịch công tác; tổng các khoản chi tiền vé (bao gồm các khoản thuế và phụ phí), tiền đi đường, tiền chờ đợi tại sân bay thấp nhất. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trường hợp thay đổi đường bay do nhu cầu công tác thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí quyết định việc mua vé trên cơ sở đề nghị của trưởng đoàn công tác;

b) Đối với đoàn đi công tác trong nước, việc mua vé máy bay chuyến bay nội địa Việt Nam cho đoàn khách quốc tế vào Việt Nam tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế do phía Việt Nam đài thọ:

Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao kinh phí và nhiệm vụ mua vé máy bay ký hợp đồng với nhà cung cấp bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả và chịu trách nhiệm về quyết định của mình;

c) Việc mua vé máy bay theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.".

4. Sửa đổi, bổ sung đoạn đầu khoản 8 như sau:
"8. Đối với gói thầu thuộc trường hợp quy định tại các điểm g, h và t1 khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, chủ đầu tư hoặc Hội đồng định giá tài sản (trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giao kinh phí cho Hội đồng định giá tài sản) thực hiện theo quy trình sau:".
5. Bổ sung khoản 8a vào sau khoản 8 như sau:
"8a. Đối với gói thầu mua sắm cơ sở dữ liệu pháp luật quốc tế và giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế thuộc trường hợp quy định tại điểm m khoản 4 Điều 84 của Nghị định này, thủ trưởng cơ quan, đơn vị mua sắm chịu trách nhiệm quyết định việc mua sắm bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình mà không phải lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu, không phải ký hợp đồng với nhà cung cấp nhưng phải bảo đảm chế độ hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định của pháp luật.".
6. Bổ sung khoản 10 vào sau khoản 9 như sau:
"10. Đối với trường hợp quy định tại điểm t2 khoản 4 Điều 84 của Nghị định này:

a) Cơ quan hỗ trợ xây dựng, công bố công khai tiêu chí đánh giá, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát chất lượng, quy trình tiếp nhận hồ sơ, đánh giá năng lực của bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ; xác định danh sách bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ theo cơ chế Phiếu hỗ trợ (Voucher); chỉ lựa chọn vào danh sách các bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ có năng lực, kinh nghiệm tốt;

b) Cơ quan hỗ trợ đàm phán hợp đồng nguyên tắc cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ với các bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở các tiêu chí, điều khoản tham chiếu, cơ chế kiểm soát chất lượng quy định tại điểm a khoản này;

c) Cơ quan hỗ trợ hoàn thiện, ký hợp đồng nguyên tắc với bên cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ.".

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 138 (Điều 15)
1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

"a) Nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị về hồ sơ mời thầu đến chủ đầu tư trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu tham dự thầu gửi đơn kiến nghị các nội dung khác về quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu đến chủ đầu tư trước khi có thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu, cơ quan, tổ chức không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc hết thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu, cơ quan, tổ chức có quyền gửi đơn kiến nghị đến người có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Người có thẩm quyền phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu, cơ quan, tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, cơ quan, tổ chức và gửi đến chủ đầu tư để đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;".

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Việc giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo một trong hai quy trình sau đây:

a) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả

lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Nội dung kiến nghị được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Thông tin của nhà thầu gửi đơn kiến nghị, thời điểm gửi đơn kiến nghị được Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia công khai cho chủ đầu tư. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn kiến nghị của nhà thầu, chủ đầu tư phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi nhà thầu và đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả giải quyết kiến nghị hoặc quá thời hạn quy định tại điểm này mà chủ đầu tư không có văn bản giải quyết kiến nghị thì nhà thầu có quyền gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn giải quyết kiến nghị hoặc ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của chủ đầu tư. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập. Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành;

b) Nhà thầu gửi đơn kiến nghị đến bộ phận thường trực trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Hội đồng giải quyết kiến nghị phải có văn bản giải quyết kiến nghị gửi đến nhà thầu trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Hội đồng giải quyết kiến nghị được thành lập. Bộ phận thường trực có trách nhiệm đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia văn bản giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày văn bản giải quyết kiến nghị được ban hành.

Trường hợp nhà thầu gửi đơn kiến nghị đồng thời đến bộ phận thường trực và chủ đầu tư thì trách nhiệm giải quyết kiến nghị thuộc Hội đồng giải quyết kiến nghị.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

"6. Đối với việc giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền, chủ đầu tư có trách nhiệm đăng tải văn bản giải quyết kiến nghị trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản giải quyết kiến nghị của người có thẩm quyền.".

4. Bổ sung khoản 8 vào sau khoản 7 như sau: "8. Đối với kiến nghị có nhiều nội dung phức tạp, Hội đồng giải quyết kiến nghị có thể quyết định kéo dài thời gian giải quyết kiến nghị tối đa 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn giải quyết kiến nghị theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.".

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat Dau thau\Nghi dinh.*

THÔNG TƯ 154/2026/TT-BCA QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, ĐỊNH DANH VÀ TRUY XUẤT NGUỒN GỐC ĐỐI VỚI HOÁ CHẤT CẦN KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT TRÊN NỀN TẢNG ĐỊNH DANH VÀ XÁC THỰC ĐIỆN TỬ

- **Ngày ban hành:** 04/09/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 04/09/2026

1. Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

1. Thông tư này quy định việc quản lý, định danh và truy xuất nguồn gốc đối với hóa chất cần kiểm soát đặc biệt thông qua Hệ



thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt (sau đây gọi tắt là Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất) trên Nền tảng định danh và xác thực điện tử, bao gồm:

a) Xây dựng, quản lý và vận hành Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất;

b) Khởi tạo, quản lý, sử dụng mã chuỗi cung ứng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và mã định danh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt, tích hợp Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất;

c) Kết nối, chia sẻ và khai thác thông tin trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với việc quản lý hóa chất phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh và việc quản lý hóa chất thuộc phạm vi bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng (Điều 2)

1. Đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an; Công an tỉnh, thành phố; Công an xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là Công an các đơn vị, địa phương).

2. Đơn vị được giao quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có hoạt động hóa chất liên quan đến hóa chất cần kiểm soát đặc biệt tại Việt Nam.

3. Trường hợp định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất (Điều 4)

1. Trường hợp phải kê khai Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực hóa chất có nhu cầu khai báo, quản lý, theo dõi và truy xuất nguồn gốc hóa chất và các sản phẩm hóa chất thì được thực hiện trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất.

4. Tích hợp thông tin Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất (Điều 12)

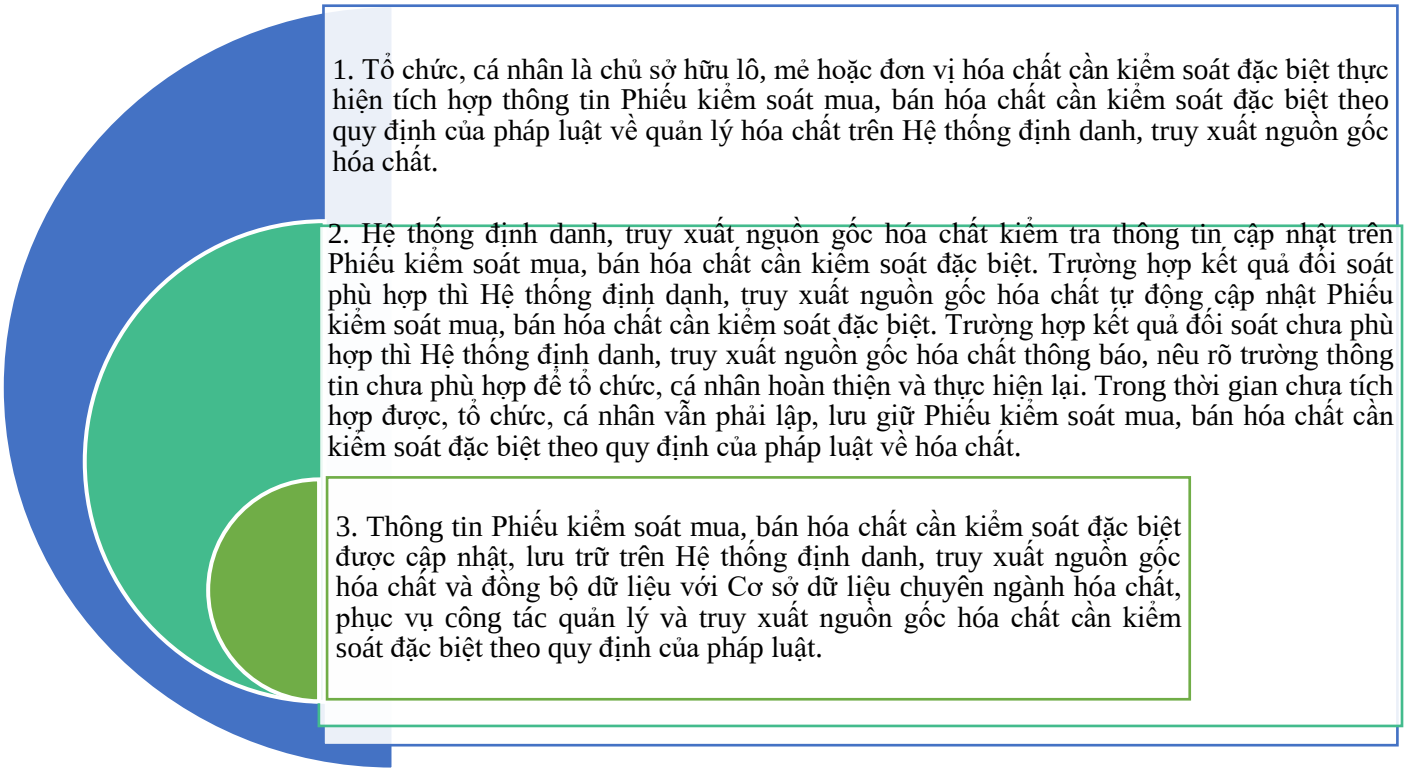

5. Cập nhật và đồng bộ thông tin trong Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất (Điều 16)

1. Dữ liệu trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất được cập nhật, đồng bộ với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan khi có thay đổi.

2. Việc cập nhật, đồng bộ thông tin hóa chất phải bảo đảm:

a) Không làm thay đổi, sai lệch dữ liệu gốc tại nguồn dữ liệu được kết nối, chia sẻ với Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất;

b) Bảo đảm tính thống nhất giữa các thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan.

3. Trường hợp phát hiện thông tin sai lệch, cơ quan, tổ chức quản lý thông tin thực hiện phối hợp xác minh, xử lý, điều chỉnh theo quy định.

6. Nguyên tắc quản lý và truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất (Điều 19)

1. Việc quản lý, khai thác thông tin và truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được thực hiện theo cơ chế phân quyền, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và mục đích sử dụng của từng đối tượng tại Điều 2 Thông tư này.

2. Việc cấp quyền truy cập, khai thác thông tin và truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất phải gắn với định danh và xác thực điện tử, bảo đảm kiểm soát, ghi nhận, lưu vết hoạt động truy cập và không vượt quá phạm vi thông tin được phép khai thác.

7. Truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt trên Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất (Điều 20)

1. Hoạt động truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được thực hiện trên

Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất. Việc truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được thực hiện thông qua mã chuỗi cung ứng hóa chất cần kiểm soát đặc biệt hoặc mã định danh hóa chất cần kiểm soát đặc biệt và theo phạm vi được phân quyền đối với từng cơ quan, tổ chức, cá nhân.

2. Kết quả truy xuất nguồn gốc được hiển thị theo phạm vi được phân quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện truy xuất theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

3. Cá nhân sử dụng tài khoản định danh điện tử mức độ 02, tổ chức sử dụng tài khoản định danh điện tử của tổ chức trên ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) để truy cập và truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt. Việc truy cập, khai thác thông tin và truy xuất nguồn gốc hóa chất cần kiểm soát đặc biệt được Hệ thống định danh, truy xuất nguồn gốc hóa chất ghi nhận và lưu vết theo quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\Luat hoa chat\Thong tu.*

THÔNG TƯ 27/2026/TT-BNV VỀ DANH MỤC CÔNG VIỆC CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

- **Ngày ban hành:** 20/10/2026
- **Ngày có hiệu lực:** 01/01/2027

1. Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Điều 1)

1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Luật An toàn, vệ sinh lao động năm 2015 và điểm d khoản 14 Điều 2 Nghị định số 276/2026/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ.

2. Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Luật An toàn, vệ sinh lao động, trừ đối tượng là người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng.

2. Hiệu lực thi hành (Điều 2)

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày **01 tháng 01 năm 2027.**

2. Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Trong quá trình thực hiện Thông tư nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Nội vụ để nghiên cứu, giải quyết./.

DANH MỤC MỘT SỐ CÔNG VIỆC CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG

STT	DANH MỤC CÔNG VIỆC CÓ YÊU CẦU NGHIÊM NGẶT VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
1	Trực tiếp sản xuất, sử dụng, thí nghiệm, thử nghiệm, bảo quản, vận chuyển, xử lý hóa chất nguy hiểm, độc hại theo phân loại của hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất.
2	Thí nghiệm, hóa nghiệm, thử nghiệm, sản xuất, sử dụng, bảo quản, sửa chữa, vận chuyển, xử lý các loại thuốc nổ và phụ kiện nổ.
3	Giám sát thi công; khảo sát xây dựng; thi công, lắp đặt đối với công trình; sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, phá dỡ công trình; bảo hành, bảo trì công trình; vận hành, chạy thử công trình; lắp dựng giàn giáo; cậy, bẩy, đào, xúc thủ công trên công trình hoặc khai trường. Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, tháo dỡ, kiểm tra, giám sát hoạt động các máy, thiết bị gồm: búa máy; tàu hoặc máy hút bùn; máy trộn, bơm, phun vữa, bê tông; máy tạo nhám bê tông; máy cào bóc, rải bê tông; máy phá dỡ đa năng; máy khoan cầm tay; máy khoan hầm; xe xúc, đào, ủi, gạt, san, lu, đầm; trạm trộn bê tông.
4	Trực tiếp lắp ráp, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, vệ sinh các máy, thiết bị như: mài, cưa, phay, bào, tiện, doa, khoan (cố định), uốn, xẻ, cắt, gọt, xé chặt, đột, dập, đục, đập, tạo hình, nạp liệu, ra liệu, nghiền, xay, trộn, cán, ly tâm, sấy, sàng, sàng tuyển, ép, xeo, chấn tôn, tráng, cuộn, bóc vỏ, đóng bao; kích thủy lực; hàn cắt kim loại; máy đánh bóng, đánh nhám, băng chuyền, băng tải; súng bắn nước, súng khí nén công nghiệp áp lực cao; máy in công nghiệp. Trực tiếp thực hiện công việc tẩy rửa, mạ, sơn, xử lý nhiệt, làm sạch bề mặt hoặc gia công kim loại.
5	Làm việc trên cao cách mặt bằng làm việc từ 2 mét trở lên, trên sàn công tác di động, nơi cheo leo nguy hiểm, trên mái hoặc sườn dốc (taluy) công trình hoặc triền đà.
6	Công việc trên sông, trên biển, trên mặt nước, trên các nhà giàn, lặn, giám thị lặn; chế tạo, đóng, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng, kiểm tra máy, thiết bị trong hầm tàu, phương tiện thủy.
7	Công việc tiếp xúc bức xạ ion hóa, phóng xạ, hạt nhân; vận hành máy soi, chiếu, chụp có sử dụng bức xạ hạt nhân, điện từ trường; tiếp xúc điện từ trường tần số cao ở dải tần số từ 3KHz trở lên, thiết bị thông tin kiểm soát trên biển.
8	Điều tra quy hoạch rừng; khảo sát địa chất, địa hình, thực địa biển, địa vật lý; khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản, dầu khí.
9	Làm việc trong không gian hạn chế hoặc có khả năng phát sinh các khí độc như hầm, đường hầm, bể, giếng, đường cống, các công trình ngầm, bồn chứa, kho lạnh; vận hành, bảo dưỡng các loại đường ống khí; các công việc làm vệ sinh công nghiệp, vệ

	sinh môi trường, vệ sinh chuồng trại, thu gom, vận chuyển, xử lý nước thải, rác thải, chất thải, thông tắc cống (trừ hộ gia đình không thuê lao động).
10	Các công việc xây dựng, lắp ráp, vận hành, bảo trì, sửa chữa, thử nghiệm, thí nghiệm, kiểm định an toàn thiết bị điện, đường dây dẫn điện, tuốc bin, nhà máy điện, trạm nạp ắc quy hoặc hệ thống chuyển đổi năng lượng, lưu trữ điện; sản xuất, xử lý, tái chế ắc quy, pin.
11	Cứu hộ, cứu nạn chuyên nghiệp.
12	Trực tiếp vận hành hệ thống, máy bơm xăng, dầu, khí hóa lỏng; sửa chữa bồn, bể xăng, dầu, giao, nhận, bán buôn, bán lẻ xăng dầu.
13	Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, tháo dỡ, kiểm tra, giám sát hoạt động trạm bơm hoặc máy bơm (trừ hộ gia đình không thuê lao động).

Toàn văn văn bản đã được đăng tải tại *P:\06. Document System\Thu Vien Phap Luat\VAN BAN PHAP LUAT\2. BO LUAT,LUAT\ Luật An toàn, vệ sinh lao động \Thong tu.*



ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC NÊU TẠI MỤC II

STT	Tên văn bản QPPL/trích yếu nội dung	Trách nhiệm tuân thủ/Hậu quả pháp lý	Ban/đơn vị chủ trì cập nhật, nghiên cứu, áp dụng/tuân thủ
1	Nghị định 308/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Giáo dục nghề nghiệp về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Tổ chức, cá nhân có các hoạt động liên quan đến hoạt động sử dụng Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp đầu tư phải tuân thủ các quy định tại Luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động đầu tư, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định 88/2022/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	QTNL, TCKT
2	Nghị định 368/2026/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thi đua, khen thưởng	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động xét, công nhận, xếp loại,... thi đua, khen thưởng phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định trong hoạt động xét, công nhận, xếp loại,... thi đua, khen thưởng, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính tại chương VII Luật số 06/2022/QH15 Luật thi đua, khen thưởng và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	QTNL
3	Nghị định 349/2026/NĐ-CP sửa đổi các Nghị định hướng dẫn Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Cơ quan nhà nước, Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động đấu thầu phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động đấu thầu sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính căn cứ theo khoản 29 Điều 2 Nghị định 225/2025/NĐ-CP bổ sung Điều 61a vào sau Điều 61 Nghị định 115/2024/NĐ-CP hướng dẫn xử lý vi phạm trong hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư từ	DQRE, KTĐT, DA, TMDV

		15/8/2025 và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan. và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	
4	Thông tư 154/2026/TT-BCA quy định về quản lý, định danh và truy xuất nguồn gốc đối với hoá chất cần kiểm soát đặc biệt trên Nền tảng định danh và xác thực điện tử	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Cơ quan nhà nước, Tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động quản lý, định danh và truy xuất nguồn gốc đối với hoá chất cần kiểm soát đặc biệt trên Nền tảng định danh và xác thực điện tử phải cập nhật, tuân thủ các quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định về hoạt động quản lý, định danh và truy xuất nguồn gốc đối với hoá chất cần kiểm soát đặc biệt trên Nền tảng định danh và xác thực điện tử sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính căn cứ theo Nghị định 275/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp và/hoặc bị xử lý theo các quy định khác của pháp luật liên quan.	ATCL, KTCN, CNTT&CĐS
5	Thông tư 27/2026/TT-BNV về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động	- ***Trách nhiệm tuân thủ:*** Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động có trách nhiệm cập nhật, tuân thủ quy định này và các quy định khác có liên quan. - ***Hậu quả pháp lý:*** Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định đến các công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 283/2026/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng và/hoặc các quy định pháp luật khác có liên quan.	ATMT, ATCL, QTNL